

Số: 282 /TCT-TCKT

V/v: Giải trình nguyên nhân chênh lệch  
Báo cáo tài chính năm 2019 của TCT  
Sông Đà - CTCP.

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2020

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
Sở giao dịch chứng khoán Hà nội

1. Tên công ty : Tổng công ty Sông Đà
2. Mã chứng khoán : SJG
3. Địa chỉ : toà nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
4. Điện thoại : (84-024)38541164
5. Fax : (84-024)38541161
6. Người được uỷ quyền công bố thông tin: Vũ Đức Quang
7. Người đại diện : Trần Văn Tuấn
8. Nội dung thông tin công bố:

8.1 Báo cáo tài chính (BCTC) công ty mẹ và hợp nhất năm 2019 của Tổng công ty Sông Đà – CTCP đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C phát hành ngày 10/4/2020 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính.

8.2 Giải trình chênh lệch số liệu, kết quả kinh doanh trước và sau kiểm toán trên báo cáo tài chính hợp nhất và Công ty mẹ:

- Đối với số liệu Bảng cân đối kế toán, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả kinh doanh trong báo cáo tài chính Quý IV đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên:

+ Đối với số liệu trên Bảng cân đối kế toán: một số chỉ tiêu chênh lệch do số liệu tại công ty con có sự thay đổi sau khi được kiểm toán, đồng thời việc loại trừ các giao dịch nội bộ giữa các công ty con với nhau, tách lợi ích cổ đông không kiểm soát dẫn đến số liệu trên Bảng cân đối kế toán sau kiểm toán thay đổi so với số liệu trong báo cáo tài chính quý IV.

+ Đối với số liệu tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

- (i) Báo cáo hợp nhất được tổng hợp năm 2019 kết quả thay đổi từ công ty con dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh sau kiểm toán giảm so với số liệu lũy kế trên BCTC quý IV.

(ii) Báo cáo công ty mẹ, lợi nhuận trước thuế tại báo cáo sau kiểm toán là 40,155 tỷ đồng giảm 8,01 tỷ đồng so với báo cáo trước kiểm toán nguyên nhân chủ yếu do trích lập dự phòng tài chính bổ sung, giảm khoản ghi nhận cổ tức.

- Đối với lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

+ BCTC công ty mẹ lợi nhuận-sau thuế năm 2019 là 40,15 tỷ đồng tăng 12,7 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 46% so với năm 2018. Nguyên nhân chủ yếu: năm 2019 mức trích lập dự phòng tài chính và phải thu khó đòi giảm so với năm 2018 (năm 2019 trích lập dự phòng đầu tư tài chính là 9,43 tỷ đồng và dự phòng phải thu khó đòi là 48,6 tỷ đồng).

+ BCTC hợp nhất: Lợi nhuận sau thuế năm 2019 là 321,479 tỷ đồng giảm 41,4 tỷ đồng, tương ứng mức giảm 11% so với năm 2018. Nguyên nhân chính: các công trình do Tổng công ty Sông Đà làm tổng thầu đã đi vào giai đoạn cuối, doanh thu giảm nên lợi nhuận giảm tương ứng; Hoạt động kinh doanh bất động sản triển khai chậm dẫn đến bán hàng chưa đạt theo kế hoạch.

9. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: [www.songda.vn](http://www.songda.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin được công bố là đúng sự thật và đúng theo các quy định của luật kế toán.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu TCKT;

Người được uỷ quyền công bố thông tin

**TL. TỔNG GIÁM ĐỐC  
GIÁM ĐỐC BAN TCKT**



**Vũ Đức Quang**

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	13 - 52

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Sông Đà - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**Khái quát về Tổng công ty**

Tổng công ty Sông Đà - CTCP được cổ phần hóa từ Tổng công ty Sông Đà (Tổng công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định 996/BXD-TCLĐ ngày 15 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng). Tổng công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 06 vào ngày 06 tháng 4 năm 2018 với mã số doanh nghiệp là 0100105870, vốn điều lệ là 4.495.371.120.000 VND.

**Trụ sở chính:**

- Địa chỉ : Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : (024) 3 854 1164
- Fax : (024) 3 854 1161
- Email : [banbientap@songda.vn](mailto:banbientap@songda.vn)
- Website : <http://www.songda.vn>
- Mã số thuế : 0 1 0 0 1 0 5 8 7 0

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Tổng công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Hồ Văn Dũng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2018
Ông Trần Văn Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018
Ông Phạm Văn Quân	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018
Ông Đặng Quốc Bảo	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Thắng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2018
Bà Trần Thị Mỹ Hào	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018
Ông Trần Thế Anh	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019
Ông Phạm Văn Viết	Thành viên	Miễn nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	Ngày 10 tháng 4 năm 2018
Ông Hoàng Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 08 tháng 7 năm 2018
Ông Phạm Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 08 tháng 7 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 08 tháng 7 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Thự	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 09 tháng 9 năm 2019

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**  
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp này là Ông Trần Văn Tuấn - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2018).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tổng công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Tổng công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tổng công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,  
Tổng Giám đốc



**Trần Văn Tuấn**

Ngày 10 tháng 4 năm 2020

Head Office	: 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi	: 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nhu Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho	: I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0352/20/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

### **Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty Sông Đà - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng công ty"), được lập ngày 10 tháng 4 năm 2020, từ trang 06 đến trang 52, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

#### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng công ty Sông Đà – CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 1.5 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tổng công ty chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến việc quyết toán công tác cổ phần hóa do Tổng công ty chưa có Quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Như trình bày tại Thuyết minh số 1.7 phần Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp, số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và các thuyết minh liên quan là số liệu hợp cộng của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 05 tháng 4 năm 2018 của Tổng công ty Sông Đà - Công ty TNHH MTV (đơn vị cổ phần hóa) và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tổng công ty Sông Đà – CTCP.

### Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

#### Chi nhánh Hà Nội



**Nguyễn Hoàng Đức – Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2020



**Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm toán viên**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3707-2016-008-1



**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>6.978.458.074.535</b>	<b>7.237.028.737.004</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>57.903.441.882</b>	<b>206.398.301.098</b>
1. Tiền	111		57.903.441.882	206.398.301.098
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>170.503.718.167</b>	<b>236.381.661.250</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	21.381.661.250	21.381.661.250
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(877.943.083)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	150.000.000.000	215.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>6.669.964.179.059</b>	<b>6.697.561.068.599</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	2.426.438.433.221	2.616.455.571.307
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	157.976.009.586	117.623.999.596
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	2.912.523.636.274	2.957.455.077.864
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	1.280.798.258.403	1.065.162.057.485
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(107.772.158.425)	(59.135.637.653)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>7.873.436.879</b>	<b>7.902.760.834</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	7.873.436.879	7.902.760.834
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>72.213.298.548</b>	<b>88.784.945.223</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	49.837.535.909	50.090.614.400
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		21.111.373.136	38.683.313.458
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	1.264.389.503	11.017.365
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>8.154.199.736.799</b>	<b>8.415.606.998.472</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.118.127.847.724</b>	<b>1.318.108.486.790</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	346.373.250.790	477.103.056.783
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	771.754.596.934	841.005.430.007
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>886.808.545.318</b>	<b>925.017.052.134</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	886.714.058.376	924.864.357.947
<i>Nguyên giá</i>	222		1.102.150.521.815	1.103.894.928.768
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(215.436.463.439)	(179.030.570.821)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	94.486.942	152.694.187
<i>Nguyên giá</i>	228		1.714.684.123	1.714.684.123
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.620.197.181)	(1.561.989.936)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>52.571.505.543</b>	<b>48.849.426.755</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	52.571.505.543	48.849.426.755
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>6.037.951.241.769</b>	<b>6.046.567.925.937</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2c	3.509.267.425.514	3.509.267.425.514
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	2.508.892.247.810	2.560.712.347.810
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	208.311.087.205	156.550.987.205
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(188.519.518.760)	(179.962.834.592)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>58.740.596.445</b>	<b>77.064.106.856</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	58.740.596.445	77.064.106.856
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>15.132.657.811.334</b>	<b>15.652.635.735.476</b>

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>10.580.808.755.592</b>	<b>11.134.889.205.957</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.477.422.396.207</b>	<b>6.650.549.786.232</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	3.245.714.523.310	3.393.368.570.653
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	43.951.140.052	58.344.943.159
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	706.588.432	102.246.116.857
4. Phải trả người lao động	314		6.227.363.237	8.857.325.960
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	398.873.839.137	235.478.004.147
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	9.341.409.791	10.400.631.022
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	1.147.470.792.814	1.145.250.054.351
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	1.621.567.804.574	1.682.210.306.069
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	3.568.934.860	14.393.834.014
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.103.386.359.385</b>	<b>4.484.339.419.725</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13b	536.793.177.554	648.710.168.314
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17	152.124.400.064	155.901.887.726
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	58.679.465.593	59.416.574.335
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	3.355.789.316.174	3.620.310.789.350
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>4.551.849.055.742</b>	<b>4.517.746.529.519</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>4.551.849.055.742</b>	<b>4.517.746.529.519</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.495.371.120.000	4.495.371.120.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.495.371.120.000	4.495.371.120.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.712.622.856	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		49.765.312.886	22.375.409.519
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		9.609.630.353	22.375.409.519
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		40.155.682.533	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>15.132.657.811.334</b>	<b>15.652.635.735.476</b>

Lập, ngày 10 tháng 4 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

**TỔNG GIÁM ĐỐC**


**Trần Văn Tuấn**

Trịnh Thị Anh Đào

Vũ Đức Quang

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	933.153.538.533	1.548.180.677.767
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	91.170.248
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		933.153.538.533	1.548.089.507.519
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	878.661.003.891	1.467.799.500.746
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		54.492.534.642	80.290.006.773
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	529.125.230.312	635.578.490.637
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	329.335.456.277	547.733.900.369
Trong đó: chi phí lãi vay	23		301.452.603.868	334.690.942.070
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	123.324.639.226	132.191.761.322
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		130.957.669.451	35.942.835.719
12. Thu nhập khác	31	VI.6	4.023.367.582	2.503.724.222
13. Chi phí khác	32	VI.7	94.825.354.500	11.017.821.799
14. Lợi nhuận khác	40		(90.801.986.918)	(8.514.097.577)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		40.155.682.533	27.428.738.142
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		40.155.682.533	27.428.738.142
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8		
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8		

Người lập biểu

Trịnh Thị Anh Đào

Kế toán trưởng

Vũ Đức Quang

Lập, ngày 10 tháng 4 năm 2020



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Văn Tuấn

# TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		40.155.682.533	27.428.738.142
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10	38.171.115.135	37.096.613.785
- Các khoản dự phòng	03	VI.4; 5	58.071.148.023	239.098.472.245
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(3.271.191.929)	(25.207.682.835)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(484.307.660.660)	(586.036.705.149)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	301.452.603.868	334.690.942.070
- Các khoản điều chỉnh khác	07		6.850.410.584	9.471.254.562
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(42.877.892.446)	36.541.632.820
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		269.912.155.023	85.854.227.033
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		29.323.955	(4.033.620.959)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(273.130.996.604)	86.965.570.094
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		18.576.588.902	(713.886.369)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(243.336.311.590)	(306.983.853.812)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	-	(20.939.121.929)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(16.878.055.464)	(19.834.110.954)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(287.705.188.224)</b>	<b>(143.143.164.076)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.722.078.788)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		333.128.182	895.466.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(333.800.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		244.001.288.375	724.815.868.088
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	34.169.047.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		222.867.154.406	276.115.013.656
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>463.479.492.175</b>	<b>702.195.395.562</b>

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	9.410.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	625.208.308.863	1.841.641.765.831
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(950.300.195.082)	(2.624.028.667.811)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(325.091.886.219)</b>	<b>(772.976.901.980)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(149.317.582.268)</b>	<b>(213.924.670.494)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>206.398.301.098</b>	<b>419.998.595.925</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		822.723.052	324.375.667
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>57.903.441.882</b>	<b>206.398.301.098</b>

Người lập biểu

Trịnh Thị Anh Đào

Kế toán trưởng

Vũ Đức Quang

Lập, ngày 10 tháng 4 năm 2020



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Trần Văn Tuấn**

## **TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, huyện Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

---

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

---

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

- Tổng công ty Sông Đà - CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”) là Công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng công ty là xây lắp, dịch vụ.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng công ty là:

- Các ngành nghề kinh doanh chính: Tổng thầu xây lắp (tổng thầu EPC) và thi công xây lắp các công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, điện, thủy lợi, tổ hợp các công trình ngầm; thi công và xử lý nền móng công trình; xây dựng nhà các loại; kinh doanh điện thương phẩm; sản xuất, kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng; chế tạo và lắp đặt các thiết bị, máy móc công nghiệp; đầu tư phát triển và kinh doanh khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế; cho thuê văn phòng;
- Ngành nghề kinh doanh có liên quan: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, đường bộ; Tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; Đào tạo phát triển nguồn nhân lực chuyên ngành về bất động sản và xây dựng; Xuất khẩu lao động; Đại lý du lịch; Điều hành tua du lịch; Khách sạn; Dịch vụ nổ mìn./.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Các vấn đề có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến việc quyết toán công tác cổ phần hóa do Tổng công ty chưa nhận được Quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần (ngày 06 tháng 4 năm 2018).



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 6. Cấu trúc Tổng công ty

##### Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Sông Đà 2 (*)	Km 10, đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Xây lắp	40,77%	40,77%	40,77%
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	Số 105 Phạm Văn Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Xây lắp	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	Tầng 3, nhà TM, khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	65,00%	65,00%	65,00%
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	Tầng 5, nhà B, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	64,16%	64,16%	64,16%
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	Tầng 2, Nhà TM, khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	65,00%	65,00%	65,00%
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	58,50%	58,50%	58,50%
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	Tầng 10- 11, nhà B, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	62,27%	62,27%	62,27%
Công ty Cổ phần Sông Đà 12 (*)	Số nhà 16, LK 11b, khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.	Xây lắp	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	Phòng 501, tầng 5, số 121 Trần Đăng Ninh, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Xây lắp	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà (*)	Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.	Xây lắp	46,15%	46,15%	46,15%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	Số 96, đường Phạm Văn Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Sản xuất điện thương phẩm	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La	Sản xuất điện thương phẩm	58,58%	58,58%	58,58%
Công ty Cổ phần Thủy điện Cán Đơn	Áp Thanh Thủy, Thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước	Sản xuất điện thương phẩm	50,96%	50,96%	50,96%
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	Nhà G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Dịch vụ tư vấn	51,01%	51,01%	51,01%
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	Xóm 7, xã Cẩm Trung, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh	Thu phí đường bộ	100,00%	100,00%	100,00%

(\*) Mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty ít hơn 50% nhưng Tổng công ty có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Do vậy các Công ty này bị Tổng công ty kiểm soát và khoản đầu tư được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty con” trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần điện Việt Lào	Tầng 9, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất điện thương phẩm	35,11%	35,11%	35,11%
Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 2	Trạm thu phí số 2 Km26+200 Quốc lộ 2, xã Quất Lưu, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc	Thu phí đường bộ	28,65%	28,65%	28,65%
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	Số 03 Nguyễn Thiện Thuật, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Thu phí đường bộ	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	Số 19 phố Trúc Khê, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Bất động sản	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	Tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Bất động sản	36,35%	36,35%	36,35%
Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Sông Đà - Ucrin	Tầng 5 nhà G10, số 493 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân Nam, Hà Nội	Dịch vụ tư vấn	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	Thôn Phú Nguyên, xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	Sản xuất, xuất nhập khẩu cao su	25,00%	25,00%	25,00%

#### Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Ban điều hành dự án Thủy điện Huội Quảng	Xã Chiềng Lao, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
Văn phòng Đại diện Tổng công ty Sông Đà - Ban điều hành dự án Thủy điện Lai Châu	Bản Nậm Nhùn, thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu
Ban điều hành dự án Thủy điện Sơn La	Xã Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
Ban điều hành dự án Thủy điện Xê ca mản 1	Khu vực Cửa khẩu Bờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum
Ban điều hành dự án Thủy điện Đồng Nai 5	Thôn 5, xã Đăk Sin, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông
Ban điều hành dự án Thủy điện Bản Vẽ	Xã Yên Na, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An
Ban điều hành dự án Thủy điện Hủa Na	Xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An
Ban điều hành dự án Thủy điện Xê ca mản 3	Thị trấn Thanh Mỹ, huyện Giang Nam, tỉnh Quảng Nam
Ban điều hành gói thầu số 4	Xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam
Ban quản lý dự án Thủy điện Sê Kông 3	

## **TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### **7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Tổng công ty chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần từ ngày 06 tháng 4 năm 2018. Do đó, số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 là số liệu Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và các thuyết minh liên quan là số liệu hợp cộng của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giai đoạn từ 01 tháng 01 năm 2018 đến 05 tháng 4 năm 2018 của Tổng công ty Sông Đà – Công ty TNHH MTV (đơn vị cổ phần hóa) và giai đoạn từ ngày 06 tháng 4 năm 2018 đến 31 tháng 12 năm 2018 của Tổng công ty Sông Đà – CTCP. Theo đó, số liệu so sánh trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ giai đoạn là Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước (từ 01 tháng 01 năm 2018 đến 05 tháng 4 năm 2018).

#### **8. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng công ty có 147 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 188 nhân viên).

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Tổng công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

## 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Bru điện Liên Việt.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tổng công ty thường xuyên có giao dịch).

## 3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## 4. Các khoản đầu tư tài chính

### *Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh của Tổng công ty là các chứng khoán nhận được khi rút vốn đầu tư khỏi Quỹ đầu tư Việt Nam (Quỹ VIF). Số lượng chứng khoán được ghi nhận theo Biên bản hoàn trả tài sản ngày 13 tháng 5 năm 2016 giữa Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV Vietnam Partners và Tổng công ty Sông Đà. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị thị trường trên Báo cáo danh mục đầu tư tháng 3 năm 2016 của Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV Vietnam Partners (đối với các chứng khoán có giá giao dịch) hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm gần nhất với thời điểm ngày 13 tháng 5 năm 2016.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được ghi nhận được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được ghi nhận được hạch toán vào doanh thu.

## **TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Tổng công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### ***Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác***

##### ***Công ty con***

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### ***Công ty liên doanh***

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm

## **TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

#### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

#### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

#### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng, không ghi nhận giá trị.

#### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đơn vị khác*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Tổng công ty tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Tổng công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là Nguyên vật liệu bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Chi phí tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp*

Chi phí tái cơ cấu doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng trong thời gian vay là 32 năm.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### *Giá trị thương hiệu Sông Đà*

Giá trị thương hiệu Sông Đà được ghi nhận theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2015 đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Giá trị thương hiệu Sông Đà được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm kể từ thời điểm Tổng công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

#### *Chi phí quản lý Ban điều hành*

Chi phí quản lý Ban điều hành được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ không lớn hơn phần thu phí mà Ban điều hành được hưởng trong kỳ. Trường hợp chi phí quản lý Ban điều hành đã chi lớn hơn phần phụ phí Ban điều hành được hưởng trong kỳ thì phần chênh lệch được phản ánh như một khoản chi phí trả trước.

#### **8. Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### **9. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 47
Máy móc và thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định khác	03 – 25

Các tài sản cố định hữu hình của Tổng công ty được đánh giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo qui định. Thời gian khấu hao của các tài sản này là thời gian sử dụng còn lại ước tính.

#### **10. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng công ty bao gồm:

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

#### *Chương trình phần mềm*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 05 năm đến 10 năm.

Các tài sản cố định vô hình của Tổng công ty được đánh giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo qui định. Thời gian khấu hao của các tài sản này là thời gian sử dụng còn lại ước tính.

### **11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### **12. Trái phiếu thường**

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh theo mệnh giá tại ngày phát hành.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính.

### **13. Vốn chủ sở hữu**

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

## **TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

#### **14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán hàng hoá***

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tổng công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tổng công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

##### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### **15. Hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy: Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

## **TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thông nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

#### **16. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Toàn bộ chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### **17. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **18. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### **19. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### **20. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng công ty.

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	693.171.712	835.761.714
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	57.210.270.170	205.562.539.384
<b>Cộng</b>	<b>57.903.441.882</b>	<b>206.398.301.098</b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty như sau:

#### 2a. Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh gồm các cổ phiếu được nhận khi rút vốn khỏi Quỹ Đầu tư Việt Nam, được ghi nhận theo Biên bản hoàn trả tài sản ngày 13 tháng 5 năm 2016 giữa Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV VIETNAM PARTNERS với Tổng công ty Sông Đà, chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Giấy Sài Gòn	1.600.500.000	1.600.500.000
Công ty Cổ phần Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	1.577.041.250	1.577.041.250
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú <sup>(i)</sup>	18.204.120.000	18.204.120.000
<b>Cộng</b>	<b>21.381.661.250</b>	<b>21.381.661.250</b>

- (i) Giá trị ghi sổ của Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú đã được thế chấp để đảm bảo cho Trái phiếu Sông Đà và khoản vay tại các Ngân hàng là 18.204.120.000 VND.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	-
Trích lập dự phòng bổ sung	877.943.083
<b>Số cuối năm</b>	<b>877.943.083</b>

#### 2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng.

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

#### 2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>3.509.267.425.514</b>	<b>(93.329.620.719)</b>	<b>3.509.267.425.514</b>	<b>(89.219.000.000)</b>
<i>Các Công ty Con do Tập đoàn nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết</i>				
Công ty Cổ phần Sông Đà 3 <sup>(i)</sup>	64.464.000.000	(64.464.000.000)	64.464.000.000	(64.464.000.000)
Công ty Cổ phần Sông Đà 4 <sup>(i)</sup>	72.975.500.000	-	72.975.500.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 5 <sup>(i)</sup>	196.843.824.000	-	196.843.824.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 6 <sup>(i)</sup>	339.023.100.000	-	339.023.100.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 9 <sup>(i)</sup>	305.867.224.224	-	305.867.224.224	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 10 <sup>(i)</sup>	417.736.289.900	-	417.736.289.900	-
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	12.750.000.000	(12.750.000.000)	12.750.000.000	(12.750.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	228.073.875.831	-	228.073.875.831	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến <sup>(ii)</sup>	538.954.275.894	-	538.954.275.894	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Cản Đơn <sup>(i)</sup>	1.010.880.360.000	-	1.010.880.360.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà <sup>(i)</sup>	15.973.200.000	-	15.973.200.000	-
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	222.842.600.465	-	222.842.600.465	-
<i>Các Công ty Con do Tập đoàn nắm giữ dưới 50% quyền biểu quyết nhưng có quyền bỏ đa số phiếu tại cuộc họp Hội đồng quản trị</i>				
Công ty Cổ phần Sông Đà 2 <sup>(i)</sup>	47.040.000.000	-	47.040.000.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	12.005.000.000	(12.005.000.000)	12.005.000.000	(12.005.000.000)
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà <sup>(i)</sup>	23.838.175.200	(4.110.620.719)	23.838.175.200	-
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>2.508.892.247.810</b>	<b>(90.600.000.000)</b>	<b>2.560.712.347.810</b>	<b>(90.600.000.000)</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	-	-	51.820.100.000	-
Công ty Cổ phần điện Việt Lào	1.107.039.446.070	-	1.107.039.446.070	-
Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 2	128.215.909.014	-	128.215.909.014	-
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	20.887.000.000	-	20.887.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	84.000.000.000	-	84.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà <sup>(i)</sup>	1.065.245.494.600	-	1.065.245.494.600	-
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	3.504.398.126	-	3.504.398.126	-
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riêng Kratic <sup>(ii)</sup>	100.000.000.000	(90.600.000.000)	100.000.000.000	(90.600.000.000)

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>208.311.087.205</b>	<b>(4.589.898.041)</b>	<b>156.550.987.205</b>	<b>(143.834.592)</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex <sup>(ii)(i)</sup>	55.396.800.278	-	55.396.800.278	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	51.820.100.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh <sup>(ii)</sup>	13.082.914.986	-	13.082.914.986	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sơn Trà	1.536.000.000	-	1.536.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dung Quất	538.200.000	-	538.200.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà Đất Vàng	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà Sao	300.000.000	-	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà Nha Trang	5.930.749.831	-	5.930.749.831	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Coeco	4.573.200.000	(85.051.327)	4.573.200.000	-
Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Sông Đà	25.724.000.000	(4.339.546.714)	25.724.000.000	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà	165.300.000	(165.300.000)	165.300.000	(143.834.592)
Công ty Cổ phần Thủy điện Sứ Pán 2	35.258.322.110	-	35.258.322.110	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Hồ Bốn	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn <sup>(ii)</sup>	6.875.500.000	-	6.935.500.000	-
Tập đoàn Hà Thành	110.000.000	-	110.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>6.226.470.760.529</u></b>	<b><u>(188.519.518.760)</u></b>	<b><u>6.226.530.760.529</u></b>	<b><u>(179.962.834.592)</u></b>

(i) Các khoản đầu tư có giá trị ghi sổ là 3.178.904.953.636 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho Trái phiếu Sông Đà và khoản vay tại các Ngân hàng.

(ii) Trong đó, các khoản đầu tư từ vốn nhận ủy thác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	38.718.000.000	38.718.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	9.400.000.000	9.400.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex	1.005.720.000	1.005.720.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	1.300.000.000	1.300.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn	6.875.500.000	6.935.500.000
<b>Cộng</b>	<b><u>57.299.220.000</u></b>	<b><u>57.359.220.000</u></b>

**Giá trị hợp lý**

Tổng công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do các qui định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

*Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết*

Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie đang ngừng hoạt động, các công ty con và công ty liên doanh, liên kết khác hoạt động kinh doanh bình thường.

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	179.962.834.592	-
Trích lập dự phòng	8.556.684.168	179.962.834.592
Số cuối năm	<b>188.519.518.760</b>	<b>179.962.834.592</b>

*Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết*

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Cổ phần Sông Đà 2 (Sông Đà 2)</b>		
Chi phí công trình nhận từ Sông Đà 2	1.291.124.491	1.431.272.169
Cổ tức	3.528.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần Sông Đà 3 (Sông Đà 3)</b>		
Doanh thu dịch vụ cung cấp cho Sông Đà 3	612.626.379	2.432.094.090
Chi phí công trình nhận từ Sông Đà 3	12.161.648.279	16.582.678.769
<b>Công ty Cổ phần Sông Đà 4 (Sông Đà 4)</b>		
Doanh thu dịch vụ cung cấp cho Sông Đà 4	485.313.087	605.880.099
Chi phí công trình nhận từ Sông Đà 4	7.803.573.597	2.381.966.673
Lãi cho vay	2.537.446.729	36.144.155
Cổ tức	6.695.000.000	6.695.000.000
<b>Công ty Cổ phần Sông Đà 5 (Sông Đà 5)</b>		
Chi phí công trình nhận từ Sông Đà 5	20.861.257.806	34.028.714.005
Cổ tức	13.345.344.000	16.681.680.000
<b>Công ty Cổ phần Sông Đà 6 (Sông Đà 6)</b>		
Doanh thu dịch vụ cung cấp cho Sông Đà 6	1.149.993.520	2.027.863.935
Chi phí công trình nhận từ Sông Đà 6	39.154.148.063	46.981.507.183
Cổ tức	-	18.081.232.000
<b>Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (Sông Đà 9)</b>		
Doanh thu dịch vụ cung cấp cho Sông Đà 9	640.561.444	509.995.928
Chi phí công trình nhận từ Sông Đà 9	127.966.803.793	97.868.797.284
Cổ tức	20.026.944.000	20.026.944.000
<b>Công ty Cổ phần Sông Đà 10 (Sông Đà 10)</b>		
Doanh thu dịch vụ cung cấp cho Sông Đà 10	3.074.141.341	1.416.405.654
Chi phí công trình nhận từ Sông Đà 10	171.504.510.831	429.310.012.611
Cổ tức	10.642.962.800	15.964.444.200

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A (Sê San 3A)</b>		
Doanh thu dịch vụ cung cấp cho Sê San 3A	92.082.272	80.099.670
Cổ tức	42.840.000.000	64.260.000.000
<b>Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến (Nậm Chiến)</b>		
Doanh thu dịch vụ cung cấp cho Nậm Chiến	281.403.369	384.530.127
Doanh thu xây dựng cung cấp cho Nậm Chiến	-	8.000.069.743
Cổ tức	51.853.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn (Cần Đơn)</b>		
Giá vốn điện thương phẩm nhận từ Cần Đơn	309.224.382.193	299.367.882.779
Cổ tức	35.161.056.000	158.224.752.000
Lãi cho vay	4.229.077.570	-
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (Tư vấn Sông Đà)</b>		
Doanh thu dịch vụ cung cấp cho Tư vấn Sông Đà	539.992.595	-
Chi phí nhận từ Tư vấn Sông Đà	556.386.289	-
Cổ tức Tổng Công ty được hưởng	1.331.100.000	1.331.100.000
<b>Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà (Cơ khí Lắp máy Sông Đà)</b>		
Doanh thu dịch vụ cung cấp cho Cơ khí Lắp máy Sông Đà	-	757.328.045
Lãi cho vay	291.862.641	189.292.132
Chi phí công trình nhận từ Cơ khí Lắp máy Sông Đà	-	1.585.440.419
<b>Công ty Cổ phần điện Việt Lào (điện Việt Lào)</b>		
Doanh thu xây dựng cung cấp cho Điện Việt Lào	65.727.710.755	599.714.657
Lãi cho vay	74.771.449.161	49.151.706.585
<b>Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa (nhà Khánh Hòa)</b>		
Doanh thu dịch vụ cung cấp cho nhà Khánh Hòa	-	21.519.611
Cổ tức	1.044.350.000	2.088.700.000



**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****3. Phải thu của khách hàng****3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b>1.562.435.113.643</b>	<b>1.566.006.022.933</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	222.358.108	172.231.496
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	3.673.772	2.222.708
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	85.820.982	12.653.775
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	493.656.684	109.348.874
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	527.673.221	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	2.389.215.179	750.675.342
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	2.580.598.208	2.580.598.208
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	309.316.298	308.574.796
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	-	44.432.400
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	644.550.631.237	687.819.635.530
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	224.836.360	130.844.505
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	122.384.771	137.382.974
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	481.438.926	317.668.617
Công ty Cổ phần điện Việt Lào	1.120.036.661	12.486.535.661
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	21.634.862	2.151.961
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	3.112.502.940	3.596.165.254
Công ty TNHH Điện Xekaman1	340.556.031.554	290.678.870.397
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	565.633.303.880	566.856.030.435
<b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>	<b>864.003.319.578</b>	<b>1.050.449.548.374</b>
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Nhà Quốc hội	70.937.848.698	74.217.366.641
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 4	63.231.823.051	63.231.823.051
Ban quản lý Dự án Thủy điện 1	-	14.790.889.694
Ban quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La	11.089.538.000	15.265.148.545
Ban quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 – Vinacomin	438.355.829.952	455.499.407.652
Ban quản lý Dự án Thủy điện 2	28.507.591.468	28.507.591.468
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đường cao tốc Việt Nam	10.734.019.094	10.734.019.094
Công ty Mua Bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	10.064.707.424	91.898.810.583
Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn	147.677.368	22.169.761.062
Liên danh CMC/ITD/Song Đa	125.328.668.107	161.757.904.400
Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na	64.705.222.023	64.705.222.023
Các khách hàng khác	40.900.394.393	47.671.604.161
<b>Cộng</b>	<b>2.426.438.433.221</b>	<b>2.616.455.571.307</b>

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>166.610.538.169</b>	<b>166.866.298.027</b>
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	19.002.468.644	19.002.468.644
Công ty TNHH Điện Xekaman1	147.608.069.525	147.863.829.383
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>179.762.712.621</b>	<b>310.236.758.756</b>
Ban quản lý Dự án Thủy điện I	104.532.195.510	181.593.875.281
Ban quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La	75.230.517.111	128.642.883.475
<b>Cộng</b>	<b>346.373.250.790</b>	<b>477.103.056.783</b>

#### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Trả trước cho các bên liên quan</b>	<b>100.540.162.636</b>	<b>56.052.942.236</b>
Công ty cổ phần Sông Đà 2	379.359.108	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	30.429.344.933	2.354.883.910
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	13.406.373.783	260.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	2.792.739.636	1.145.959.608
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	260.568.300	32.544.694
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	800.000.000	917.078.578
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	47.471.776.876	46.342.475.446
<b>Trả trước cho người bán khác</b>	<b>57.435.846.950</b>	<b>61.571.057.360</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà Miền Trung	5.858.234.797	5.858.234.797
Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10	9.225.966.125	9.225.966.125
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Vận tải Thành Trang	13.702.950.000	13.702.950.000
Công ty Cổ phần SbTech	10.165.772.066	8.713.025.756
Các nhà cung cấp khác	18.482.923.962	24.070.880.682
<b>Cộng</b>	<b>157.976.009.586</b>	<b>117.623.999.596</b>

#### 5. Phải thu về cho vay

##### 5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>952.063.637.989</b>	<b>880.224.654.732</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	1.926.420.460	1.748.824.313
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	3.210.700.766	2.914.707.188
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	2.027.453.211	2.027.453.211
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	944.899.063.552	873.533.670.020
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>1.960.459.998.285</b>	<b>2.077.230.423.132</b>
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long - vay vốn lưu động	975.009.156.984	977.009.156.984
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long - cho vay lại <sup>(*)</sup>	944.262.479.978	1.061.512.960.765
Tổng công ty LICOGI – CTCP <sup>(*)</sup>	26.088.361.323	23.608.305.383
Viện Kinh tế Xây dựng <sup>(*)</sup>	100.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Thủy Điện Sừ Pán 2	15.000.000.000	15.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.912.523.636.274</b>	<b>2.957.455.077.864</b>

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 5b. Phải thu về cho vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>161.352.890.198</b>	<b>166.633.351.942</b>
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	100.845.551.002	104.145.839.587
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	60.507.339.196	62.487.512.355
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>610.401.706.736</b>	<b>674.372.078.065</b>
Sở Xây dựng Sơn La (*)	100.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long - cho vay lại (*)	610.301.706.736	674.272.078.065
<b>Cộng</b>	<b>771.754.596.934</b>	<b>841.005.430.007</b>

(\*) Các khoản cho vay chưa được đối chiếu, xác nhận.

#### 6. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>490.349.942.996</b>	<b>362.285.329.960</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	3.528.000.000	
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	4.080.000.000	4.080.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	23.662.088.170	17.652.422.468
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	13.845.344.000	17.181.680.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	57.447.685.904	57.289.944.139
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	40.167.490.424	20.026.944.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	11.022.962.800	16.344.444.200
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	735.000.000	735.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	72.840.000.000	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	80.809.856.828	28.956.856.828
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	35.161.056.000	70.827.586.298
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	1.331.100.000	
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	22.528.609.946	22.195.956.080
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	135.567.867	135.567.867
Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sông Đà	1.413.639.254	500.000.000
Công ty Cổ phần điện Việt Lào	34.682.031.791	31.275.976.162
Công ty TNHH MTV Điện Xekaman 1	41.962.777	41.962.777
Công ty TNHH điện Xekaman 3	7.265.235.929	7.280.941.151
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	78.072.854.254	36.326.992.254
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	1.579.457.052	1.433.055.736
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>790.448.315.407</b>	<b>702.876.727.525</b>
Phải thu về cổ tức lợi nhuận được chia	35.813.790.000	29.263.030.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long - Lãi và phí cho vay lại	515.828.161.994	458.665.930.971
Tạm ứng	6.260.671.340	6.148.644.153
Phải thu về cổ phần hoá	5.886.915.738	5.858.915.738
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	9.690.000.000	10.951.104.658
Giá trị khối lượng giảm trừ khi quyết toán công trình	107.890.580.651	72.434.654.699
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	109.078.195.684	119.554.447.306
<b>Cộng</b>	<b>1.280.798.258.403</b>	<b>1.065.162.057.485</b>

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tổng công ty Cổ phần Sông Hồng	19.763.178.000	(19.763.178.000)	19.763.178.000	(19.763.178.000)
Công ty Cổ phần Sông Đà 1	18.894.343.754	(18.894.343.754)	18.894.343.754	(18.894.343.754)
Hiệp hội Đầu tư Xây dựng Năng Lượng Việt nam	3.122.520.000	(3.122.520.000)	3.122.520.000	(3.122.520.000)
Công ty Cổ phần Thủy điện Sừ Pán 2	20.887.814.056	(16.523.240.464)	13.776.583.757	(13.776.583.757)
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	28.955.596.828	(28.955.596.828)	-	-
Tổng công ty LICOGI - CTCP	17.588.361.323	(14.177.507.529)	-	-
Các đối tượng khác	11.248.763.694	(7.278.343.858)	3.579.012.142	(3.579.012.142)
<b>Cộng</b>	<b>120.460.577.655</b>	<b>(108.714.730.433)</b>	<b>59.135.637.653</b>	<b>(59.135.637.653)</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	59.135.637.653	-
Trích lập dự phòng bổ sung	48.636.520.772	59.135.637.653
Số cuối năm	<b>107.772.158.425</b>	<b>59.135.637.653</b>

#### 8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	14.461.760	43.785.715
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.858.975.119	7.858.975.119
<b>Cộng</b>	<b>7.873.436.879</b>	<b>7.902.760.834</b>

#### 9. Chi phí trả trước

##### 9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí tư vấn hợp đồng McKinsey <sup>(i)</sup>	47.677.389.977	47.677.389.977
Chi phí thiết bị văn phòng	195.192.804	438.467.706
Chi phí thuê tư vấn dự thầu Dự án đường sắt đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	1.602.316.873	1.602.316.873
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	362.636.255	372.439.844
<b>Cộng</b>	<b>49.837.535.909</b>	<b>50.090.614.400</b>

<sup>(i)</sup> Là chi phí tư vấn tái cấu trúc sử dụng vốn của Tập đoàn Sông Đà giai đoạn 2010 – 2012 chờ ý kiến của Bộ Xây dựng thực hiện văn bản chỉ đạo số 1478/TTg-ĐMDN của Thủ tướng chính phủ về việc điều chỉnh phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà.

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

#### 9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí tư vấn tái cấu trúc	46.642.076.084	48.762.169.973
Chi phí công cụ dụng cụ	27.000.000	12.270.001
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp - G10	22.973.769	61.013.718
Thương hiệu Sông Đà (*)	5.924.927.912	10.664.870.228
Chi phí quản lý Ban điều hành	6.120.384.678	17.557.903.966
Các chi phí trả trước dài hạn khác	3.234.002	5.878.970
<b>Cộng</b>	<b><u>58.740.596.445</u></b>	<b><u>77.064.106.856</u></b>

- (\*) Giá trị thương hiệu Sông Đà được xác định trên cơ sở thống kê các chi phí thực tế cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, tên thương mại trong quá trình hoạt động của Tổng công ty trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 5 năm (từ năm 2010 đến năm 2014). Giá trị thương hiệu Sông Đà được xác định khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014.

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	682.765.059.197	88.310.489.013	50.069.267.094	11.969.999.110	270.780.114.354	1.103.894.928.768
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.744.406.953)	-	-	(1.744.406.953)
<b>Số cuối năm</b>	<b>682.765.059.197</b>	<b>88.310.489.013</b>	<b>48.324.860.141</b>	<b>11.969.999.110</b>	<b>270.780.114.354</b>	<b>1.102.150.521.815</b>
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.605.218.900	756.919.708	6.934.080.013	1.746.085.487	1.421.798.828	12.464.102.936
Chờ thanh lý						
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	56.069.967.927	35.992.239.972	26.218.202.140	8.861.213.187	51.888.947.595	179.030.570.821
Khấu hao trong năm (sau khi điều chỉnh HH4)	16.825.816.380	5.762.230.444	2.664.913.466	1.097.443.580	11.762.504.020	38.112.907.890
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.707.015.272)	-	-	(1.707.015.272)
<b>Số cuối năm</b>	<b>72.895.784.307</b>	<b>41.754.470.416</b>	<b>27.176.100.334</b>	<b>9.958.656.767</b>	<b>63.651.451.615</b>	<b>215.436.463.439</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	626.695.091.270	52.318.249.041	23.851.064.954	3.108.785.923	218.891.166.759	924.864.357.947
<b>Số cuối năm</b>	<b>609.869.274.890</b>	<b>46.556.018.597</b>	<b>21.148.759.807</b>	<b>2.011.342.343</b>	<b>207.128.662.739</b>	<b>886.714.058.376</b>

**Trong đó:**

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 578.373.952.146 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng.

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	337.478.200	1.187.205.923	190.000.000	1.714.684.123
<b>Số cuối năm</b>	<b>337.478.200</b>	<b>1.187.205.923</b>	<b>190.000.000</b>	<b>1.714.684.123</b>
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	1.187.205.923	-	1.187.205.923
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	317.950.673	1.183.872.591	60.166.672	1.561.989.936
Khấu hao trong năm	16.873.908	3.333.332	38.000.005	58.207.245
<b>Số cuối năm</b>	<b>334.824.581</b>	<b>1.187.205.923</b>	<b>98.166.677</b>	<b>1.620.197.181</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	19.527.527	3.333.332	129.833.328	152.694.187
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.653.619</b>	<b>-</b>	<b>91.833.323</b>	<b>94.486.942</b>

#### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Cộng
Chi phí sửa chữa nhà G10	-	3.722.078.788	3.722.078.788
Dự án Thủy điện Sekong 3	48.849.426.755	-	48.849.426.755
<b>Số cuối năm</b>	<b>48.849.426.755</b>	<b>3.722.078.788</b>	<b>52.571.505.543</b>

#### 13. Phải trả người bán

##### 13a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>2.563.338.561.277</b>	<b>2.665.613.628.090</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	6.075.397.587	5.482.996.312
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	216.940.484.474	234.696.718.446
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	175.171.350.221	170.938.969.805
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	146.367.517.982	138.962.172.975
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	254.210.938.479	253.716.692.112
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	332.818.575.707	331.702.181.576
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	545.049.117.109	610.381.202.287
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	484.124.017	484.124.017
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	247.001.253	247.001.253
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	502.919.441.008	508.659.809.766
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	11.540.009.416	11.102.754.099
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	121.372.928.666	154.844.103.383
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	347.894.000	1.037.957.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	67.070.600.000	67.070.600.000
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucerin	4.312.748.421	5.009.920.074
Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C	13.665.540.823	24.535.718.442

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 10.1	155.397.462.078	137.783.309.197
Cty TNHH Xekaman 3	13.640.090	13.640.090
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	9.333.789.946	8.943.757.256
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>682.375.962.033</b>	<b>727.754.942.563</b>
Công ty Cổ phần Lilama 10	22.624.291.227	34.368.020.331
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Sông Đà	48.996.358.647	48.668.673.842
Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	19.058.747.224	19.058.747.224
Công ty Cổ phần Sông Đà 5.05	78.594.880.627	80.746.760.703
Tổng công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	11.038.325.974	12.038.325.974
Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại	53.878.793.848	26.904.314.628
Công ty Cổ phần SDP	10.138.265.714	16.210.327.229
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	51.808.619.042	73.864.350.347
Công ty Cổ phần Licogi 12	30.499.926.508	31.059.926.508
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	87.269.247.919	89.897.310.846
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 - Thăng Long	66.297.459.122	60.813.835.165
Các nhà cung cấp khác	202.171.046.181	234.124.349.766
<b>Cộng</b>	<b>3.245.714.523.310</b>	<b>3.393.368.570.653</b>

**13b. Phải trả người bán dài hạn**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>416.481.129.055</b>	<b>515.668.513.283</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	1.086.331.251	1.086.331.251
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	11.961.061.981	11.852.955.628
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	44.107.443.281	45.064.319.840
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	68.702.989.675	68.702.989.675
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	64.465.736.887	102.202.816.251
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	55.061.486.167	76.451.502.701
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	93.498.970.428	127.441.949.306
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	3.965.569.807	4.156.955.063
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	1.050.218.414	1.983.573.283
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	45.245.684.772	45.245.684.772
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	1.844.608.443	1.758.904.122
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	4.293.286.478	9.076.273.157
Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	19.472.790.261	18.919.307.024
Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C	1.724.951.210	1.724.951.210
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>120.312.048.499</b>	<b>133.041.655.031</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Sông Đà	8.671.072.191	8.388.694.656
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	50.152.431.196	56.152.431.196
Công ty Cổ phần SDP	6.712.696.739	7.363.954.888
Công ty Cổ phần SCI	8.896.709.509	10.452.369.667
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	8.836.582.286	9.948.735.511
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 - Thăng Long	8.221.887.194	10.368.458.166
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Khai khoáng Việt Bắc	6.366.471.519	6.341.035.112
Các nhà cung cấp khác	22.454.197.865	24.025.975.835
<b>Cộng</b>	<b>536.793.177.554</b>	<b>648.710.168.314</b>



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

#### 14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<b>31.496.104.089</b>	<b>45.414.495.002</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	60.000.000	60.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	580.083.678	580.083.678
Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C	200.000.000	200.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	8.269.230.778	22.171.254.431
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	22.359.308.483	22.359.308.483
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	27.481.150	43.848.410
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<b>12.455.035.963</b>	<b>12.930.448.157</b>
Ban quản lý Dự án thủy điện 4	2.233.353.000	2.233.353.000
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình nhà Quốc Hội	2.771.963.165	2.771.963.165
Các đối tượng khác	7.449.719.798	1.730.251.992
<b>Cộng</b>	<b><u>43.951.140.052</u></b>	<b><u>58.344.943.159</u></b>

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.316.112.464	-	6.702.334.857	(11.205.107.886)	70.211.573	1.253.372.138
Thuế thu nhập cá nhân	751.615.617	11.017.365	752.280.200	(993.899.093)	506.496.724	11.017.365
Tiền thuế đất	728.637.371	-	22.068.140.537	(22.796.777.908)	-	-
Các loại thuế khác	121.385.634	-	10.000.000	(10.000.000)	121.385.634	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	562.113.420	-	10.863.051.200	(11.416.670.119)	8.494.501	-
Lợi nhuận còn lại nộp về ngân sách	96.766.252.351	-	1.533.806.419	(98.300.058.770)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>102.246.116.857</b>	<b>11.017.365</b>	<b>41.929.613.213</b>	<b>(144.722.513.776)</b>	<b>706.588.432</b>	<b>1.264.389.503</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Tổng công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động xây lắp, bán điện 10%
- Hoạt động dịch vụ 10%
- Hoạt động cho thuê văn phòng 10%
- Hoạt động cho thuê xe ô tô 5%
- Hoạt động bán thiết bị nhập khẩu trong nước chưa sản xuất 0%

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Tổng công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	40.155.682.533	27.428.738.142
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	94.820.742.222	11.017.821.799
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	134.976.424.755	38.446.559.941
Thu nhập được miễn thuế	(301.039.181.753)	(432.251.470.745)
Thu nhập tính thuế	(166.062.756.998)	(393.804.910.804)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### *Thuế nhà đất*

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

#### *Các loại thuế khác*

Tổng công ty kê khai và nộp theo quy định.

#### 16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phí ban điều hành	305.947.446	1.641.360.077
Chi phí lãi vay phải trả	146.726.194.653	86.546.848.950
Chi phí lãi trái phiếu phải trả	307.726.027	344.186.301
Chi phí công trình xây dựng	169.688.653.375	129.071.212.727
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	81.845.317.636	17.874.396.092
<b>Cộng</b>	<b>398.873.839.137</b>	<b>235.478.004.147</b>

#### 17. Doanh thu chưa thực hiện

Là các khoản tiền cho thuê văn phòng khách hàng trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	9.341.409.791	10.400.631.022
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	152.124.400.064	155.901.887.726
<b>Cộng</b>	<b>161.465.809.855</b>	<b>166.302.518.748</b>

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****18. Phải trả khác****18a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b><i>Phải trả các bên liên quan</i></b>	<b>202.373.912.082</b>	<b>193.317.179.792</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	1.285.342.364	1.285.342.364
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	168.420.093	168.420.093
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	227.303.984	193.860.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	22.794.219.802	13.755.883.496
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	39.069.000	39.069.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	52.548.450	52.548.450
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	159.390.000	159.390.000
Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà	173.168.885.118	173.183.933.118
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	51.435.000	51.435.000
Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C	13.200.000	13.200.000
Công ty TNHH điện Xekaman 3	4.414.098.271	4.414.098.271
<b><i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i></b>	<b>945.096.880.732</b>	<b>951.932.874.559</b>
Kinh phí công đoàn	502.339.886	458.788.959
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	85.081.622	589.107.885
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	23.879.381.151	21.657.976.820
Các quỹ tự nguyện	21.186.056.497	22.269.757.219
Lãi vay và các khoản phải trả Bộ Tài chính	368.728.907.366	370.755.500.517
Phải trả về cổ phần hóa	901.280.000	901.280.000
Các khoản chờ quyết toán cổ phần hóa	473.711.066.726	475.244.873.145
Phải trả Công ty Mua bán nợ - DATC	277.441.718	1.947.947.214
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	55.825.325.766	58.107.642.800
<b>Cộng</b>	<b>1.147.470.792.814</b>	<b>1.145.250.054.351</b>

**18b. Phải trả dài hạn khác**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b><i>Phải trả các bên liên quan</i></b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>
Nhận vốn từ Công ty Cổ phần Sông Đà 2 đầu tư ủy thác vào Công ty Cổ phần thủy điện Đăkrink	600.000.000	600.000.000
Nhận vốn từ Công ty Cổ phần Sông Đà 10 đầu tư ủy thác vào Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng	3.000.000.000	3.000.000.000
Nhận vốn từ Công ty Cổ phần tư vấn Sông Đà đầu tư ủy thác vào Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng	2.400.000.000	2.400.000.000
<b><i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i></b>	<b>52.679.465.593</b>	<b>53.416.574.335</b>
Phải trả người ủy thác đầu tư	51.299.220.000	51.359.220.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.380.245.593	2.057.354.335
<b>Cộng</b>	<b>58.679.465.593</b>	<b>59.416.574.335</b>

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****19. Vay****19a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>331.898.129.741</i>	<i>310.778.496.409</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	125.304.268.325	286.231.063.848
<i>Chi nhánh Sở Giao dịch I</i>	<i>63.039.990.250</i>	<i>53.894.031.990</i>
<i>Chi nhánh Hà Tây</i>	<i>62.264.278.075</i>	<i>232.337.031.858</i>
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	126.593.861.416	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	80.000.000.000	24.547.432.561
<i>Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>252.888.819</i>	<i>253.299.254</i>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)</i>	<i>1.289.416.786.014</i>	<i>1.371.178.510.406</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>1.621.567.804.574</u></b>	<b><u>1.682.210.306.069</u></b>

**19b. Vay dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	<i>2.322.407.726.758</i>	<i>2.473.779.610.518</i>
Ngân hàng NIB	-	76.314.582.004
Ngân hàng Phát triển Châu Á - vay thông thường	2.248.629.785.462	2.322.311.182.140
Ngân hàng Phát triển Châu Á - vay đặc biệt	73.777.941.296	75.153.846.374
<i>Trái phiếu thường (*)</i>	<i>1.033.381.589.416</i>	<i>1.146.531.178.832</i>
Mệnh giá trái phiếu	1.040.000.000.000	1.160.000.000.000
Phí phát hành trái phiếu	(6.618.410.584)	(13.468.821.168)
<b>Cộng</b>	<b><u>3.355.789.316.174</u></b>	<b><u>3.620.310.789.350</u></b>

(\*) Là trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi với kỳ hạn là 3 năm tính từ ngày 30 tháng 12 năm 2017 để tái cơ cấu các khoản nợ. Trái chủ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây, Ngân hàng TMCP Tiên phong và Ngân hàng TMCP Bảo Việt. Lãi suất áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên của trái phiếu là 11%/năm, lãi suất áp dụng từ kỳ tính lãi tiếp theo của Trái phiếu được xác định tại ngày làm việc thứ 07 trước ngày đầu tiên của mỗi kỳ tính lãi, bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) công bố bởi Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội), Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Sở Giao dịch I), Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Sở Giao dịch) cộng biên độ 4%/năm. Tài sản đảm bảo là Cổ phiếu mà Tổng công ty Sông Đà nắm giữ bao gồm: SJD, SD5, SD6, SD9, SDT, SD2, SD3, SD4, SJS, SDC, VCP, MPC và MEC.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>
<b>Số cuối năm</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	2.999.619.415.345	677.211.688.587	380.773.419.930	1.941.634.306.828
Vay dài hạn các tổ chức khác	612.205.097.427	612.205.097.427	-	-
Trái phiếu thường	1.033.381.589.416	-	1.033.381.589.416	-
<b>Cộng</b>	<b><u>4.645.206.102.188</u></b>	<b><u>1.289.416.786.014</u></b>	<b><u>1.414.155.009.346</u></b>	<b><u>1.941.634.306.828</u></b>

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>310.778.496.409</b>	<b>625.208.308.863</b>	-	-	<b>(604.088.675.531)</b>	<b>331.898.129.741</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	286.231.063.848	316.972.912.130	-	-	(477.899.707.653)	286.231.063.848
<i>Chi nhánh Sở Giao dịch I</i>	53.894.031.990	171.281.057.362	-	-	(162.135.099.102)	53.894.031.990
<i>Chi nhánh Hà Tây</i>	232.337.031.858	145.691.854.768	-	-	(315.764.608.551)	232.337.031.858
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	24.547.432.561	208.235.396.733	-	-	(106.188.967.878)	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	100.000.000.000	-	-	(20.000.000.000)	24.547.432.561
<b>Vay ngắn hạn các tổ chức khác</b>	<b>253.299.254</b>	-	-	-	<b>(410.435)</b>	<b>252.888.819</b>
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>1.371.178.510.406</b>	-	<b>150.707.716.312</b>	<b>(6.258.331.588)</b>	<b>(226.211.109.116)</b>	<b>1.289.416.786.014</b>
Ngân hàng NIB	529.361.883.616	-	75.897.437.528	(2.893.554.287)	-	602.365.766.857
Ngân hàng Phát triển Châu Á - vay thông thường	64.993.999.298	-	71.594.251.790	-	(64.992.860.979)	71.595.390.109
Ngân hàng Phát triển Châu Á - vay đặc biệt	3.277.058.205	-	3.216.026.994	-	(3.242.553.578)	3.250.531.621
Ngân hàng Natixis	157.975.694.559	-	-	-	(157.975.694.559)	-
Quỹ tích lũy nợ - Bộ Tài chính	615.569.874.728	-	-	(3.364.777.301)	-	612.205.097.427
<b>Cộng</b>	<b>1.682.210.306.069</b>	<b>625.208.308.863</b>	<b>150.707.716.312</b>	<b>(6.258.331.588)</b>	<b>(830.300.195.082)</b>	<b>1.621.567.804.574</b>

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCPC**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Chênh lệch tỷ giá cuối năm	Điều chỉnh lại nhập gốc	Mua lại trái phiếu trước hạn	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Phân bổ chi phí phát hành Trái phiếu	Số cuối năm
<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>	<b>2.473.779.610.518</b>	<b>(2.390.771.295)</b>	<b>1.726.603.847</b>	-	<b>(150.707.716.312)</b>	-	<b>- 2.322.407.726.758</b>
Ngân hàng NIB	76.314.582.004	(417.144.476)		-	(75.897.437.528)	-	-
Ngân hàng Phát triển Châu Á -vay thông thường	2.322.311.182.140	(2.006.757.887)	(80.387.001)	-	(71.594.251.790)	-	- 2.248.629.785.462
Ngân hàng Phát triển Châu Á -vay đặc biệt	75.153.846.374	33.131.068	1.806.990.848	-	(3.216.026.994)	-	- 73.777.941.296
<b>Trái phiếu thường</b>	<b>1.146.531.178.832</b>	-	-	<b>(120.000.000.000)</b>	-	<b>6.850.410.584</b>	<b>1.033.381.589.416</b>
Mệnh giá	1.160.000.000.000	-	-	(120.000.000.000)	-	-	- 1.040.000.000.000
Phí phát hành	(13.468.821.168)	-	-	-	-	6.850.410.584	(6.618.410.584)
<b>Cộng</b>	<b>3.620.310.789.350</b>	<b>(2.390.771.295)</b>	<b>1.726.603.847</b>	<b>(120.000.000.000)</b>	<b>(150.707.716.312)</b>	<b>6.850.410.584</b>	<b>3.355.789.316.174</b>

**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Cộng
Số đầu năm	12.121.819.286	2.272.014.728	14.393.834.014
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	3.026.578.155	3.026.578.155	6.053.156.310
Chi quỹ trong năm	(13.746.500.000)	(3.131.555.464)	(16.878.055.464)
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.401.897.441</b>	<b>2.167.037.419</b>	<b>3.568.934.860</b>

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

## 21. Vốn chủ sở hữu

### 21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	4.495.371.120.000	-	22.375.409.519	4.517.746.529.519
Lợi nhuận trong năm	-	-	40.155.682.533	40.155.682.533
Trích lập các quỹ	-	6.712.622.856	(12.765.779.166)	(6.053.156.310)
Số dư cuối năm nay	4.495.371.120.000	6.712.622.856	49.765.312.886	4.551.849.055.742

### 21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn nhà nước	4.485.961.120.000	4.485.961.120.000
Vốn đối tượng khác	9.410.000.000	9.410.000.000
Cộng	4.495.371.120.000	4.495.371.120.000

### 21c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	449.537.112	449.537.112
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	449.537.112	449.537.112
- Cổ phiếu phổ thông	449.537.112	449.537.112
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	449.537.112	449.537.112
- Cổ phiếu phổ thông	449.537.112	449.537.112
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## 22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp

### Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	21.307,91	5.867,76
Euro (EUR)	0,01	0,01
Yên Nhật (¥)	6,00	6,00



## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hợp đồng xây dựng	513.178.513.332	960.167.322.927
<i>Trong đó: Doanh thu phát sinh</i>	<i>567.638.396.746</i>	<i>-</i>
<i>Doanh thu bị cắt giảm do quyết toán công trình</i>	<i>(54.459.883.414)</i>	<i>-</i>
Doanh thu bán điện	309.224.382.193	355.464.873.846
Doanh thu bán thiết bị	-	96.583.821.859
Doanh thu cho thuê văn phòng	97.871.961.160	85.453.395.613
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	12.878.681.848	50.511.263.522
<b>Cộng</b>	<b>933.153.538.533</b>	<b>1.548.180.677.767</b>

### 2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	506.856.874.031	929.556.878.103
Giá vốn kinh doanh điện	309.224.382.193	355.464.873.846
Giá vốn thiết bị	-	96.583.821.859
Giá vốn cho thuê văn phòng	58.635.530.891	66.691.682.823
Giá vốn dịch vụ khác	3.944.216.776	19.502.244.115
<b>Cộng</b>	<b>878.661.003.891</b>	<b>1.467.799.500.746</b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	12.877.442.766	13.008.987.663
Lãi tiền cho vay	170.695.753.369	141.085.520.759
Cổ tức, lợi nhuận được chia	301.039.181.753	432.251.470.745
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	858.276.269	7.156.648.121
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	19.494.081.155	23.473.878.349
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	24.160.495.000	18.601.985.000
<b>Cộng</b>	<b>529.125.230.312</b>	<b>635.578.490.637</b>

### 4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	170.648.505.614	194.709.101.663
Chi phí lãi trái phiếu	123.953.687.670	130.510.585.845
Chi phí phát hành trái phiếu	6.850.410.584	9.471.254.562
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	17.514.604.389	31.352.185.895
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	9.434.627.251	179.962.834.592
Chi phí tài chính khác	933.620.769	1.727.937.812
<b>Cộng</b>	<b>329.335.456.277</b>	<b>547.733.900.369</b>

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

#### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	29.766.320.813	35.782.873.222
Chi phí vật liệu quản lý	822.205.295	876.557.501
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.020.101.440	3.053.978.814
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.661.695.714	7.040.730.656
Thuế, phí và lệ phí	3.645.889.835	3.896.164.947
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	48.636.520.772	59.135.637.653
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.872.029.729	7.904.219.335
Chi phí bằng tiền khác	15.797.768.971	20.426.821.054
<b>Cộng</b>	<b>113.222.532.569</b>	<b>138.116.983.182</b>
Chi phí quản lý các năm trước chưa phân bổ (xem thuyết minh V.9b)	17.557.903.966	10.472.260.354
Trích trước chi phí quản lý năm trước (xem thuyết minh V.16)	1.641.360.077	958.763.024
<b>Kết chuyển vào kết quả kinh doanh năm nay</b>	<b>123.324.639.226</b>	<b>132.191.761.322</b>
Trích trước chi phí quản lý năm sau (xem thuyết minh V.16)	305.947.446	1.641.360.077
Chi phí chờ kết chuyển sang năm sau (xem thuyết minh V.9b)	6.120.384.678	17.557.903.966

#### 6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	295.736.501	411.410.097
Tiền đặt cọc thuê văn phòng chấm dứt trước hạn	2.176.114.344	-
Phí y tế và bảo vệ công trình	-	1.268.262.933
Các khoản khác	1.551.516.737	824.051.192
<b>Cộng</b>	<b>4.023.367.582</b>	<b>2.503.724.222</b>

#### 7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Phạt nộp chậm thuế	248.583	1.336.466.437
Phạt chậm nộp NSNN	93.345.073.192	4.717.550.701
Phạt hành chính	5.520.000	72.736.219
Phí y tế và bảo vệ công trình	-	1.268.262.933
Chi phí khác	1.474.512.725	3.622.805.509
<b>Cộng</b>	<b>94.825.354.500</b>	<b>11.017.821.799</b>

#### 8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

### 1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Tổng công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lãi vay nhập gốc	1.726.603.847	-
Lãi cho vay nhập gốc	74.345.449.472	48.295.761.064
Thu hồi tiền cho vay bằng bù trừ công nợ	3.818.812.190	-
Nhận cổ tức bằng cổ phiếu	-	485.254.333.024
Quyết toán tòa nhà HH4 giảm chi phí trích trước	-	28.850.371.781
Quyết toán tòa nhà HH4 giảm chi phí lãi vay đã trả	-	41.717.005.048

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tổng công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tổng công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tổng công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 2.860.375.391 VND (năm trước là 2.133.863.636 VND).

#### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tổng công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	Công ty con
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	Công ty con
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	Công ty con
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	Công ty con
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Công ty con
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	Công ty con

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	Công ty con
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	Công ty con
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	Công ty con
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	Công ty con
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	Công ty con
Công ty Cổ phần điện Việt Lào	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 2	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	Công ty liên kết

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tổng công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

#### *Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6 và V.13, V.14 và V.18.

## 2. Thông tin về bộ phận

### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tổng công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Thực hiện thi công các công trình điện.
- Lĩnh vực Thủy điện: Sản xuất và bán điện thương phẩm
- Lĩnh vực khác: Cung cấp các dịch vụ cho thuê văn phòng, bán thiết bị và các dịch vụ khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

	<b>Lĩnh vực Xây lắp</b>	<b>Lĩnh vực Thủy điện</b>	<b>Lĩnh vực khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>Năm nay</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	513.178.513.332	309.224.382.193	110.750.643.008	933.153.538.533
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>513.178.513.332</b>	<b>309.224.382.193</b>	<b>110.750.643.008</b>	<b>933.153.538.533</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	6.321.639.301	-	48.170.895.341	54.492.534.642

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	<b>Lĩnh vực Xây lắp</b>	<b>Lĩnh vực Thủy điện</b>	<b>Lĩnh vực khác</b>	<b>Cộng</b>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(123.324.639.226)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(68.832.104.584)
Doanh thu hoạt động tài chính				529.125.230.312
Chi phí tài chính				(329.335.456.277)
Thu nhập khác				4.023.367.582
Chi phí khác				(94.825.354.500)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>40.155.682.533</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>			<b>(3.722.078.788)</b>	<b>(3.722.078.788)</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>(31.395.545.341)</b>		<b>(6.775.569.794)</b>	<b>(38.171.115.135)</b>
<b>Năm trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	960.167.322.927	355.464.873.846	232.457.310.746	1.548.089.507.519
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>960.167.322.927</b>	<b>355.464.873.846</b>	<b>232.457.310.746</b>	<b>1.548.089.507.519</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	30.610.444.824	-	49.679.561.949	80.290.006.773
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(132.191.761.322)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(51.901.754.549)
Doanh thu hoạt động tài chính				635.578.490.637
Chi phí tài chính				(547.733.900.369)
Thu nhập khác				2.503.724.222
Chi phí khác				(11.017.821.799)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>27.428.738.142</b>

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Lĩnh vực Xây lắp	Lĩnh vực Thủy điện	Lĩnh vực khác	Cộng
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>				-
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	(29.866.024.348)		(7.230.589.437)	(37.096.613.785)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng công ty như sau:

	Lĩnh vực Xây lắp	Lĩnh vực Thủy điện	Lĩnh vực khác	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	8.692.059.997.668	139.217.307.768	12.646.341.441	8.843.923.646.877
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	6.288.734.164.457
<b>Tổng tài sản</b>				<b>15.132.657.811.334</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	9.872.537.486.273	502.919.441.008	198.417.876.642	10.573.874.803.923
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	6.933.951.669
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>10.580.808.755.592</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	9.022.987.316.381	70.827.586.298	30.778.613.689	9.124.593.516.368
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				6.528.042.219.108
<b>Tổng tài sản</b>				<b>15.652.635.735.476</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	10.313.599.302.977	508.659.809.766	201.526.650.397	11.023.785.763.140
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				111.103.442.817
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>11.134.889.205.957</b>

## 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay
Khu vực trong nước	572.440.264.684
Khu vực nước ngoài	360.713.273.849
<b>Cộng</b>	<b>933.153.538.533</b>

## TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

#### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Lập, ngày 10 tháng 4 năm 2020

Người lập biểu



**Trịnh Thị Anh Đào**

Kế toán trưởng



**Vũ Đức Quang**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Trần Văn Tuấn**